

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 7 - 2019

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung
và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khương;

Bà Nguyễn Thị Phin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Long Bảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2019, về tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị NTD, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà A, B, phường C, quận D, Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh PVH, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà E, F, phường C, quận D, Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại G, Trại giam H, thành phố I, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị NTD) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Từ năm 2012, tôi (NTD) và anh PVH có phát sinh quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện nhưng mãi đến năm 2017 mới làm thủ tục đăng ký việc kết hôn tại UBND phường C, quận D, Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và không hợp nhau về tính cách. Tháng 4/2018 thì anh PVH bị Công an tỉnh Quảng Ninh bắt giữ và bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Hiện anh PVH đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại G, Trại giam H, thành phố I, tỉnh Hải

Dương. Xét thấy vợ chồng thực sự không còn tình cảm với nhau nên tôi (NTD) yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh PVH.

Về con chung: Tôi (NTD) và anh PVH có một con chung là J, sinh ngày 26/11/2012. Ly hôn, tôi (NTD) yêu cầu được nuôi con và không có yêu cầu anh PVH phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Tôi (NTD) không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung.

Về phía bị đơn (anh PVH): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đã có Quyết định uỷ thác cho Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương để tiến hành việc giao Thông báo thụ lý vụ án và lấy lời khai của bị đơn là anh PVH. Tại bản tự khai ngày 26/6/2019, bị đơn trình bày: Anh và chị NTD được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận D. Trước khi đăng ký kết hôn thì anh và chị NTD đã chung sống tự nguyện với nhau từ năm 2012. Quá trình vợ chồng chung sống nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 3/2018. Đến tháng 4/2018 anh bị Công an tỉnh Quảng Ninh bắt giữ và bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và hiện tại đang phải chấp hành án phạt tù tại Đội 2, phân trại G, Trại giam H, thành phố I, tỉnh Hải Dương. Từ khi anh chấp hành án đến nay chị NTD không hề quan tâm, thăm nuôi gì. Nay anh xác định vợ chồng thực sự không còn tình cảm với nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị NTD.

Về con chung: Anh và chị NTD có một con là J, sinh ngày 26/11/2012. Ly hôn, anh đồng ý để chị NTD được nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng vì điều kiện anh đang phải chấp hành án phạt tù.

Về tài sản chung: Anh và chị NTD tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 26/6/2019 anh PVH đề nghị Tòa án tiến hành việc giải quyết vụ án vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sự tuân thủ chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ vợ chồng: Chị NTD được ly hôn với anh PVH.

- Về con chung: Giao cho chị NTD được nuôi con là J, sinh ngày 26/11/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng do chị NTD không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị NTD phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn là anh PVH đang phải chấp hành án phạt tù tại Đội 2, phân trại G, Trại giam H, thành phố I, tỉnh Hải Dương nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án được. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 26/6/2019 anh PVH đề nghị Tòa án tiến hành việc giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị NTD và anh PVH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận D, Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2017, ngày 24/3/2017).

[2.1] Quá trình chị NTD và anh PVH chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do không hợp nhau về tính cách, bất đồng trong quan điểm sống. Hai bên đã ly thân nhau từ tháng 3/2018 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị NTD yêu cầu ly hôn với anh PVH. Tại bản tự khai anh PVH trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị NTD.

[2.3] Xét thấy mâu thuẫn giữa chị NTD và anh PVH đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đều xác nhận đã tự sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ cũng như trách nhiệm đối với nhau từ tháng 3/2018 cho đến nay. Việc chị NTD và anh PVH đều có ý kiến và yêu cầu được ly hôn là thực tế, có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTD; xử chị NTD được ly hôn với anh PVH.

[3] Về con chung: Chị NTD và anh PVH có một con chung là: J, sinh ngày 26/11/2012. Ly hôn, chị NTD và anh PVH đều có ý kiến thống nhất giao con chung cho chị NTD được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con và không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

[3.1] Xét thấy ý kiến thỏa thuận, thống nhất về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Giao con chung là J cho chị NTD trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị NTD và anh PVH không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị NTD và anh PVH đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị NTD phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị NTD được ly hôn với anh PVH.

- Về con chung: Giao con là J, sinh ngày 26/11/2012 cho chị NTD trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị NTD phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp khi khởi kiện tại biên lai ký hiệu AA/2014, số 0008136, ngày 14/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; chị NTD đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường C, quận D;
- Các đương sự;
- Lưu: HS; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Kiên

